

Số: 2115/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố giá trị tính theo đồng Việt Nam đối với các ngưỡng giá gói thầu theo quy định của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Căn cứ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với Việt Nam;*

*Căn cứ Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020;*

*Căn cứ Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương để hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố giá trị tính theo đồng Việt Nam đối với các ngưỡng giá gói thầu quy định tại khoản 2 Phụ lục I, khoản 2 Phụ lục II, khoản 2 Phụ lục III

kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP tương ứng với giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. **14**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Cục Quản lý đấu thầu (để đăng tải trên website: muasamcong.mpi.gov.vn);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, QLĐT (TTr **4** ).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**



## PHỤ LỤC

# GIÁ TRỊ TÍNH THEO ĐỒNG VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC NGƯỠNG GIÁ GÓI THẦU QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 PHỤ LỤC I, KHOẢN 2 PHỤ LỤC II, KHOẢN 2 PHỤ LỤC III KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2022/NĐ-CP TƯƠNG ỨNG VỚI GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2024 ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2115/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) ✓

### I. Ngưỡng giá gói thầu quy định tại khoản 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP

1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 47,3 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 31,5 tỷ đồng.

2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 1.261,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 1.028,2 tỷ đồng;
- c) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 630,8 tỷ đồng.

3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 94,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 63 tỷ đồng.

4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 1.261,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 788,5 tỷ đồng.

5. Ngưỡng giá gói thầu mua thuốc của các bệnh viện liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP được quy định như sau:

a) Gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng từ một năm trở lên, gói thầu mua thuốc tập trung do Bộ Y tế thay mặt các bệnh viện tổ chức lựa chọn nhà thầu như sau:

- Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 94,6 tỷ đồng;
- Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 63 tỷ đồng;

b) Gói thầu mua thuốc của từng bệnh viện có thời gian thực hiện hợp đồng dưới một năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này: 15,7 tỷ đồng;

c) Gói thầu chỉ bao gồm một loại thuốc duy nhất: 4,1 tỷ đồng.

## **II. Ngưỡng giá gói thầu quy định tại khoản 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP**

1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 63 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 47,3 tỷ đồng.

2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp trung ương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 2.056,4 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 1.028,2 tỷ đồng.

3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 94,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 63 tỷ đồng.

4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 13/01/2024 là 2.056,4 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 14/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025 là 1.734,7 tỷ đồng.

### **III. Ngưỡng giá gói thầu quy định tại khoản 2 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP**

1. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 94,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 63 tỷ đồng.

2. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm cấp địa phương liệt kê tại khoản 3.1 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 1.261,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 788,5 tỷ đồng.

3. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 94,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 63 tỷ đồng.

4. Ngưỡng giá gói thầu đối với gói thầu dịch vụ xây dựng của cơ quan mua sắm khác liệt kê tại khoản 3.2 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 09/2022/NĐ-CP như sau:

- a) Giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/7/2025 là 1.261,6 tỷ đồng;
- b) Giai đoạn từ ngày 01/8/2025 đến hết ngày 31/12/2025 là 788,5 tỷ đồng. 14